TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2025
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh P: Bà Nguyễn Thanh V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số D, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/02/2025).

- *Bị đơn*:

1. Anh Châu Bá T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Châu Ngọc Thanh T1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thanh V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; anh

Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Thanh P có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thanh V trình bày:

Vào ngày 25/6/2023, anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 vay của ông Trần Thanh P số tiền gốc 43.000.000 đồng, mục đích vay là để sữa chữa nhà, lãi suất 20%/năm, thời hạn vay 01 tháng; tại cửa hàng kinh doanh của ông P thì anh T và ông T1 có ký tên và ghi họ tên vào Hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 25/6/2023 do ông P đánh máy sẵn. Khi đến hạn 01 tháng mà anh T và ông T1 không trả được tiền vay gốc và lãi nên hai bên có thỏa thuận bằng lời nói là trả mỗi tháng 1.000.000 đồng và trả dần trong 43 tháng đến khi trả hết nợ gốc; anh T và ông T1 trả đến ngày 25/11/2023 được số tiền là 5.000.000 đồng thì không trả nữa cho đến nay.

Ông Trần Thanh P yêu cầu anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 trả cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1: Bị đơn anh T và ông T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và ông T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T và ông T1 vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T và ông T1 đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc anh T và ông T1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc là 38.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 25/6/2023 của anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 (Bản chính).

- Hợp đồng vay tiền ngày 25/6/2023 của anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 (Bản chính).

- Hợp đồng ủy quyền ngày 12/02/2025 của ông Trần Thanh P (Bản chính).

- Bản tự khai ngày 25/02/2025 của ông Trần Thanh P (Bản chính).

- Văn bản v/v xác minh nơi cư trú đối với anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 ngày 19/02/2025 của Công an xã T (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 hiện nay cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh P là bà Nguyễn Thanh V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, anh T và ông T1 theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Trần Thanh P xác định ông P chỉ yêu cầu ông Châu Ngọc Thanh T1 và anh Châu Bá Thiên C trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc còn nợ tổng cộng là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 25/6/2023, thể hiện ông

P có cho anh T, ông T1 vay số tiền gốc là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng) và anh T, ông T1 đã nhận đủ số tiền vay gốc nêu trên. Nội dung biên nhận cho thấy tại thời điểm ông P cho anh T, ông T1 vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Tại Hợp đồng vay tiền ngày 25/6/2023 thỏa thuận thời hạn vay tiền là 01 tháng, nên việc ông P khởi kiện tại Tòa án vào tháng 3/2024 đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng anh T, ông T1 không có trả xong nợ và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả xong cho ông P, nên anh T, ông T1 đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với ông P.

Ông P cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền tại Hợp đồng vay tiền và biên nhận ngày 25/6/2023 là của anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1, đồng thời cam đoan anh Châu Bá T, ông Châu Ngọc Thanh T1 là người vay tiền với anh Châu Bá T, ông Châu Ngọc Thanh T1 là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc anh T, ông T1 đã trả xong tiền nợ cho ông P, thì ông P chịu trách nhiệm.

Anh Châu Bá T, ông Châu Ngọc Thanh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T, ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T, ông T1, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của anh T, ông T1.

Ông Trần Thanh P không khởi kiện yêu cầu anh T và ông T1 trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc là 38.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tiền lãi.

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P, buộc anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền vay gốc còn nợ là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.900.000 đồng (Một triệu, chín trăm nghìn đồng).

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P.

Buộc anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Thanh P số tiền vay gốc còn nợ là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Châu Bá T và ông Châu Ngọc Thanh T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.900.000 đồng (Một triệu, chín trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Thanh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0007154 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang